

Phụ lục II
MẪU HỒ SƠ THỰC QUY TRÌNH LỰA CHỌN DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Mẫu B2.1: Thông báo về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án dược liệu quý

Mẫu B2.2: Biên bản mở hồ sơ dự án dược liệu quý

Mẫu B2.3: Phương thức, quy trình làm việc của hội đồng lựa chọn thực hiện dự án

Mẫu B2.4: Phiếu nhận xét hồ sơ dự án dược liệu quý

Mẫu B2.5: Phiếu đánh giá hồ sơ dự án dược liệu quý

Mẫu B2.6: Báo cáo kết quả thẩm định phương án vay vốn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia dự án dược liệu quý

Mẫu B2.7: Biên bản họp hội đồng thẩm định dự án dược liệu quý

Mẫu B2.8: Quyết định đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

Chi tiết các biểu mẫu:

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

....., ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án dực liệu quý

Căn cứ vào văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc triển khai đầu dự án đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dực liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú thông báo lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án dực liệu: (tên dự án) để các tổ chức, cá nhân biết, tham gia tuyển chọn theo quy định hiện hành.

Tên dự án	Mục tiêu/Yêu cầu	Nội dung	Đối tượng, tiêu chuẩn kỹ thuật	Địa điểm, diện tích triển khai	Thời gian thực hiện

Ghi chú:

- Nội dung dự án: Nêu các nội dung chính mà dự án sẽ triển khai thực hiện.
- Đối tượng thực hiện: ghi rõ đối tượng cây dực liệu lựa chọn triển khai thực hiện và các tiêu chuẩn kỹ thuật cần đáp ứng.
- Phạm vi thực hiện: địa điểm, diện tích triển khai thực hiện ghi rõ về địa bàn triển khai dự án (xã, huyện).

Để tham gia tuyển chọn, Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú thông báo các tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục sau:

1. Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án dực liệu quý thực hiện theo Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết này.
2. Số lượng bộ hồ sơ: 12 bộ hồ sơ. Trong đó, có 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp); 11 bộ hồ sơ còn lại photo có dấu đỏ của đơn vị chủ trì dự án và 01 bản điện tử ghi hồ sơ trên ổ USB (dạng PDF, không cài mật khẩu).
3. Nơi nhận hồ sơ là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đơn vị được Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú giao nhiệm vụ triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dực liệu), địa chỉ, số điện thoại liên lạc.
4. Thời gian nộp hồ sơ đề xuất dự án được gửi theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú (qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đơn vị được Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú giao nhiệm vụ triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát

triển vùng trồng dược liệu). Thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ là 17 giờ 00 ngày tháng....năm 20... . Các hồ sơ gửi qua đường bưu điện được tính theo dấu đến của bưu điện chậm nhất là ngày tháng năm 20... (thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ trực tiếp và qua đường bưu điện là giống nhau)

Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

-

-

-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ

1. Tên dự án:
2. Địa điểm và thời gian:, ngày/...../20.....
3. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ

<i>TT</i>	<i>Tên cơ quan, tổ chức</i>	<i>Họ và tên đại biểu</i>

4. Tình trạng của các hồ sơ đề xuất thực hiện dự án

Tình trạng của các hồ sơ đề xuất thực hiện dự án được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đề xuất hồ sơ thực hiện dự án dược liệu quý	Tình trạng hồ sơ		
		Nộp đúng hạn	Tính đầy đủ của Hồ sơ đề xuất	Tư cách pháp nhân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Kết luận:

- Hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá:
- Hồ sơ không hợp lệ, không đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá:

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vàohphút, ngày/...../20....

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Họ, tên và chữ ký)

ĐẠI DIỆN
UBND HUYỆN TRÀ CÚ
(Họ, tên và chữ ký)

PHƯƠNG THỨC, QUY TRÌNH LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG LỰA CHỌN THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. Thành phần hội đồng thẩm định dự án

Thành phần hội đồng bao gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành tỉnh theo ủy quyền và các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú, đại diện lãnh đạo các sở, ngành tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường; Lãnh đạo Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh, chuyên gia độc lập.

Cá nhân là người thuộc đơn vị chủ trì liên kết, thành viên liên kết, tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ cho dự án và cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện dự án không được tham gia Hội đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh cử các thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng.

II. Phương thức làm việc

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng, trong đó phải có chủ tịch hội đồng.

2. Thành viên hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá theo Mẫu B2.4.

3. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

4. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký của hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

III. Quy trình làm việc

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Hội đồng trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc và bầu thư ký của hội đồng.

3. Hội đồng tiến hành đánh giá các hồ sơ:

a) Các thành viên hội đồng trình bày nhận xét đánh giá hồ sơ theo các tiêu chí trong phiếu nhận xét đánh giá theo Mẫu B2.4;

b) Thư ký hội đồng đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng xem xét, tham khảo;

c) Ủy viên hội đồng là đại diện Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh đọc báo cáo thẩm định phương án vay vốn (nếu có) theo Mẫu B2.6;

d) Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá quy định. Trong quá trình thảo luận hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các thành viên hội đồng về ý kiến nhận xét;

đ) Hội đồng cho điểm theo các tiêu chí, thang điểm quy định tại Mẫu B2.5 và bỏ phiếu đánh giá chấm điểm;

e) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm ba (03) người là thành viên của hội đồng, trong đó có trưởng ban kiểm phiếu và hai (02) thành viên.

4. Thư ký hành chính của hội đồng giúp ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng.

5. Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá và thông qua biên bản làm việc của hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ phát triển được liệt.

6. Hội đồng thảo luận đề thống nhất kiến nghị:

a) Các sản phẩm chính của dự án với những chỉ tiêu chất lượng tương ứng phải đạt;

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện;

7. Thư ký hội đồng hoàn thiện biên bản làm việc theo Mẫu B2.7.

PHIẾU NHẬN XÉT
Hồ sơ dự án dược liệu quý

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:

2. Tên dự án:

3. Tổ chức chủ trì liên kết:

4. Thành viên tham gia liên kết:

5. Tên tổ chức hỗ trợ phát triển dược liệu (nếu có):

6. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét

6.1. Năng lực kinh nghiệm của đơn vị chủ trì liên kết, và các thành viên liên kết (*Đã thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, quy mô, giá trị... đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự, Uy tín của nhà đầu tư thông qua việc thực hiện các dự án tương tự trước đó...*)

a. Chủ trì liên kết

b. Các thành viên tham gia liên kết

6.2. Nhân sự của tham gia dự án liên kết (*đánh giá trình độ chuyên môn, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án, các thành viên tham gia dự án liên kết, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số....*)

a) Nhân sự đơn vị chủ trì liên kết

b) Nhân sự của các đơn vị thành viên liên kết

c) Nhân sự tham gia dự án liên kết là hộ gia đình

6.3. Năng lực tài chính của chủ trì liên kết và các thành viên liên kết (*căn cứ báo tài chính và năng lực của chủ trì liên kết và thành viên liên kết*)

a) Năng lực tài chính của chủ trì liên kết

b) Năng lực tài chính của các thành viên tham gia liên kết

6.4. Báo cáo thuyết minh dự án (*Căn cứ vào thuyết minh dự án để nhận xét đánh giá tính đầy đủ, phù hợp, tính khả thi, hiệu quả của dự án...*)

a) Địa điểm, quy mô diện tích, đối tượng cây dược liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng triển khai thực hiện dự án.

Nhận xét:

b) Phương án tổ chức triển khai thực hiện (*Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư và hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, phương án liên kết, nội dung liên kết của dự án...*):

Nhận xét:

c) Đánh giá về tác động môi trường (*tính đầy đủ các quy định và các hướng dẫn về môi trường, dự báo tác động chính của dự án đối với môi trường và các biện pháp giảm thiểu môi trường...*)

Nhận xét:

d) Đánh giá về tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và hiệu quả của dự án (*Tổng mức đầu tư, các chi phí, cơ cấu nguồn vốn của dự án và của từng thành viên tham gia liên kết, dự kiến doanh thu, công suất thiết kế của dự án, phương án vay vốn, các thông số tài chính của dự án....*)

Nhận xét:

đ) Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện dự án (*kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết...*).

Nhận xét:

6.5. Đánh giá tính hiệu quả về mặt kinh tế và xã hội của dự án

a) Đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế của dự án (*căn cứ vào tổng nguồn vốn đầu tư của dự án, chi phí đầu vào, doanh thu dự kiến và kế hoạch hoàn trả vốn vay, khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn, khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu, phân tích theo phương pháp hiện giá thuần - NPV, phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ - IRR.....*)

b) Tác động động của dự án đối với xã hội (*Chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án, đảm bảo tối thiểu 50% người tham gia dự án là người dân tộc thiểu số và miền núi*)

7. Nhận xét đánh giá chung

- Ưu điểm

- Nhược điểm (các nội dung cần chỉnh sửa)...

....., Ngày tháng năm 20....

Người nhận xét
(Họ tên và chữ ký)

Trà Vinh, ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Hồ sơ dự án được liệu quý

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:
2. Tên dự án:
3. Đơn vị chủ trì liên kết:
4. Thành viên tham gia liên kết:
5. Tên tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có):
6. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Điểm đánh giá</i>
1	2	3	4
1.	Năng lực kinh nghiệm của đơn vị chủ trì liên kết, và các thành viên liên kết (<i>Đã thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, quy mô, giá trị..., đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự, Uy tín của nhà đầu tư thông qua việc thực hiện các dự án tương tự trước đó...</i>)	5	
	a. Đơn vị chủ trì liên kết	3	
	b. Thành viên tham gia liên kết	2	
2	Nhân sự của tham gia dự án liên kết (<i>đánh giá trình độ chuyên môn, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án, các thành viên tham gia dự án liên kết, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số, miền núi....</i>)	10	
	a) Nhân sự đơn vị chủ trì liên kết	5	
	b) Nhân sự của các đơn vị thành viên liên kết	5	
3	Năng lực tài chính của chủ trì liên kết và các thành viên liên kết (<i>căn cứ báo tài chính và năng lực lực của chủ trì liên kết và thành viên liên kết</i>)	20	
	a) Năng lực tài chính của chủ trì liên kết	10	
	b) Năng lực tài chính của các thành viên tham gia liên kết	10	
4	Báo cáo thuyết minh dự án (<i>Căn cứ vào thuyết minh dự án để nhận xét đánh giá tính đầy đủ, phù hợp, tính khả thi, hiệu quả của dự án...</i>)	65	

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
	<p>a) Địa điểm, quy mô diện tích, đối tượng cây dược liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng triển khai hiện dự án.</p> <p>Nhận xét:</p>	<u>5</u>	
	<p>b) Phương án tổ chức triển khai thực hiện (Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư và hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, phương án liên kết, nội dung liên kết của dự án...):</p> <p>Nhận xét:</p>	<u>5</u>	
	<p>c) Đánh giá về tác động môi trường (tính đầy đủ các quy định và các hướng dẫn về môi trường, dự báo tác động chính của dự án đối với môi trường và các biện pháp giảm thiểu môi trường...)</p> <p>Nhận xét:</p>	<u>10</u>	
	<p>d) Đánh giá về tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện (Tổng mức đầu tư, các chi phí, cơ cấu nguồn vốn của dự án và của từng thành viên tham gia liên kết, dự kiến doanh thu, công suất thiết kế của dự án, phương án vay vốn, các thông số tài chính của dự án....)</p> <p>Nhận xét:</p>	<u>10</u>	
	<p>đ) Đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế và xã hội của dự án (Kế hoạch hoàn trả vốn vay, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu, Phân tích theo phương pháp hiện giá thuần - NPV, Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ - IRR; chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương).</p>	<u>25</u>	
	- Hiệu quả về mặt kinh tế của dự án	15	
	- Tác động về mặt kinh tế xã hội của dự án	10	
	e) Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện dự án (đánh giá tính khả thi kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết...).	<u>10</u>	

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ tên và chữ ký)

CHI NHÁNH NHCSXH
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG GIAO DỊCH
HUYỆN TRÀ CÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
*Phương án vay vốn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh
tham gia Dự án được liệu quý*

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Dự án

- Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Căn cứ hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ;

- Căn cứ vào Phương án vay vốn của:

I. THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG

1. Thông tin cơ bản về khách hàng vay vốn:

- Tên khách hàng:.....

- Họ và tên người đại diện:.....

- Chức vụ:.....

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp Nơi cấp

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

- Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày/...../..... của

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Mã số thuế:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư số¹: do cấp ngày

¹ Sử dụng giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động của Bên vay.

- Ngành nghề kinh doanh chính:.....

-Tài khoản thanh toán số: tại

2. Thông tin Dự án vùng trồng được liệu quý/Dự án trung tâm nhân giống khách hàng tham gia (sau đây gọi tắt là Dự án):

- Tên Dự án:.....

- Địa điểm thực hiện:

- Tổng vốn đầu tư:

- Thời gian thực hiện:

- Mô tả sơ lược về Dự án (sản phẩm, quy trình,...):

- Vai trò, vị trí của khách hàng trong Dự án:

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Hồ sơ pháp lý của khách hàng

a) *Tính đầy đủ hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ? Khả năng bổ sung những hồ sơ còn thiếu? Mức độ ảnh hưởng của việc thiếu hồ sơ đến việc đưa ra phê duyệt quyết định tín dụng.*

b) Doanh nghiệp có đủ năng lực pháp luật dân sự? Có Không, nêu cụ thể:...

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư số: do cấp lần đầu ngày/...../..... (Đăng ký thay đổi lần thứ do cấp ngày)

Thời gian hiệu lực còn lại: tháng

(đánh giá sự phù hợp của thời hạn giấy tờ pháp lý với thời hạn vay vốn dự kiến).

d) Vốn đăng ký kinh doanh đến thời điểm gần nhất: triệu đồng, trong đó:

- Các cổ đông/thành viên đã góp đủ vốn điều lệ/vốn đăng ký

Đã góp đủ Chưa góp đủ

- Danh sách các cổ đông/thành viên góp vốn:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Giá trị cổ phần/vốn góp theo đăng ký	Giá trị cổ phần/vốn góp thực tế	Tỷ trọng cổ phần/vốn góp thực tế (%)
	Tổng			

Lưu ý: Giải thích lý do vốn góp thiếu/thừa, kế hoạch góp vốn bổ sung (nếu có) và đánh giá khả năng góp vốn theo kế hoạch này (có thể chỉ dẫn tới nội dung phân tích cụ thể ở phần đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, nếu có).

đ) Đánh giá tính pháp lý của người đại diện vay vốn

Nhận xét:

2. Đánh giá năng lực của khách hàng

a) Quá trình hình thành và phát triển

(Trình bày ngắn gọn, đủ ý về ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh...)

.....

b) Mô hình tổ chức

Mô tả loại hình doanh nghiệp, mô hình tổ chức, các đơn vị thành viên, cơ chế quản lý tài chính, quy trình hoạt động, cơ chế kiểm soát (nêu rõ phân cấp thẩm quyền, cơ chế quản lý theo Điều lệ và quy chế tài chính, từ đó nhận định các nội dung đáp ứng/chưa đáp ứng; tuân thủ/chưa tuân thủ; rõ ràng/chưa rõ ràng; đầy đủ/chưa đầy đủ các vấn đề cần lưu ý khác liên quan đến việc cấp tín dụng,...). Đồng thời đưa ra đánh giá cụ thể về những rủi ro có liên quan tới việc cho vay.

c) Sản phẩm, dịch vụ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh *(Chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các cơ sở sản xuất kinh doanh khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch nào...)*

.....

d) Mạng lưới hoạt động, địa bàn hoạt động *(Có bao nhiêu đơn vị mạng lưới, tập trung chính ở địa bàn nào, khu vực nào)*

.....

đ) Cơ sở vật chất kỹ thuật *(Biển hiệu và biển tên; địa chỉ và tình trạng văn phòng, cửa hàng, nhà máy, đất sản xuất; tình trạng máy móc thiết bị, hàng tồn kho, cây trồng, vật nuôi,...)*

.....

e) Đánh giá năng lực của người điều hành *(Tính chân thật, độ tin cậy, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình, trình độ chuyên môn, học vấn; kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý; hệ thống thông tin phục vụ quản lý...)*

.....

g) Nguồn nhân lực

- Tổng số lao động hiện có: người, trong đó: Lao động là người dân tộc thiểu số: người (chiếm % tổng số lao động).

- Trình độ: (Tiến sỹ/Thạc sỹ/Đại học/Cao đẳng và trung cấp kỹ thuật/...)

.....

h) Thị trường

* Thị trường đầu vào:

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

Nhận xét:

a) Nguồn cung cấp đối với các nguyên vật liệu chính (trong nước, nhập khẩu): tính sẵn có, sự biến động của giá, uy tín với các đơn vị cung cấp, mức độ phụ thuộc....

b) Ưu thế/bất lợi trong việc nhập nguyên liệu đầu vào, trong phương thức thanh toán.

c) Các nội dung khác liên quan đến đặc thù hoạt động của doanh nghiệp.

* Thị trường đầu ra:

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

Nhận xét:

a) Sự ổn định của thị trường/giá bán sản phẩm, uy tín của các bạn hàng, sự phụ thuộc vào đối tác....

b) Thuận lợi/rủi ro trong phương thức bán hàng thu tiền.

c) Các nội dung khác phù hợp với đặc thù hoạt động của khách hàng.

3. Đánh giá tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình tài chính đến ngày/..../20.....

Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản nợ (10+11)				

Nhận xét, đánh giá:.....

b) Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng

- Quan hệ tín dụng với NHCSXH

Tổng dư nợ:đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng.

Cụ thể:

+ Dự nợ chương trình đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng;

+ Dự nợ chương trình đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng.

- Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác

Căn cứ kết quả tra cứu CIC ngày .../.../....., tình hình quan hệ tín dụng của khách hàng với các tổ chức tín dụng khác như sau:

Số TT	Tên Tổ chức tín dụng	Hình thức cấp tín dụng	Mục đích cấp tín dụng	Dự nợ		Nhóm nợ	Tài sản bảo đảm (loại TSBD, giá trị)
				VNĐ (trđ)	Ngoại tệ		

Nhận xét, đánh giá về uy tín, lịch sử trả nợ của khách hàng:

c) Kết quả hoạt động kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm ...	Tài liệu xác nhận	Năm ...	Tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

4. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: người, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số: người (chiếm% tổng số lao động).

Nhận xét, đánh giá:

III. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY

- Tên phương án:

- Nơi thực hiện phương án:

- Sản phẩm của phương án:

1. Nội dung phương án vay vốn và sử dụng vốn vay

a) Đánh giá phương án vay vốn tham gia Dự án

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Mở rộng, cải tạo đất sản xuất:
- + Diện tích mở rộng, cải tạo:
- + Chi phí mở rộng, cải tạo:
- Đầu tư trang thiết bị:
- + Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):
- + Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):
- Đầu tư cây, con giống (chủng loại, số lượng, giá trị):
- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

b) Đánh giá phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động tham gia phương án: người, trong đó lao động là người dân tộc thiểu số: người (chiếm% tổng số lao động).

2. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn vay tại NHCSXH: đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn vay tại TCTD khác:đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có): đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn huy động khác: đồng, tỷ lệ:%.

Vốn vay tại NHCSXH sử dụng vào các việc:

3. Thời gian thực hiện phương án: từ tháng/20.... đến tháng/20...

4. Phân tích hiệu quả phương án (theo số năm thực hiện phương án)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm ...				Năm ...			
	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo PA vay vốn của khách hàng	Chênh lệch	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo PA vay của khách hàng	Chênh lệch
	Cách tính	Giá trị			Cách tính	Chênh lệch		
Tổng doanh thu								
Tổng chi phí								
<i>Trong đó: khấu hao</i>								
Thuế TNDN								
Lợi nhuận								

Nhận xét, đánh giá:

5. Nguồn và kế hoạch trả nợ ngân hàng (theo số năm vay vốn)

TT	Chỉ tiêu	Năm ...	Năm ...	Năm ...
1	Nguồn từ phương án			
<i>a</i>	<i>Khấu hao</i>			
<i>b</i>	<i>Lợi nhuận</i>			
2	Nguồn khác			
3	Tổng nguồn trả nợ			

Nhận xét, đánh giá:

6. Tài sản bảo đảm tiền vay

TT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị (ước tính)	Giấy tờ về tài sản

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị tài sản bảo đảm, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản)

V. KẾT LUẬN (đánh giá chung về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của cơ sở sản xuất kinh doanh, mục đích vay vốn, tính khả thi của phương án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, điều kiện về hồ sơ pháp lý, đảm bảo tiền vay)

.....

VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ hồ sơ vay vốn và kết quả thẩm định, đề nghị Hội đồng thẩm định xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án vay vốn của khách hàng để NHCSXH cho vay trong trường hợp khách hàng đảm bảo các điều kiện về bảo đảm tiền vay theo quy định, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng số tiền cho vay: đồng (Bằng chữ:).
2. Thời hạn cho vay: tháng.
3. Lãi suất cho vay:%/năm; Lãi suất quá hạn:%/năm.
4. Trả gốc theo định kỳ: tháng/lần; Trả lãi theo định kỳ: hằng tháng.
5. Mục đích sử dụng vốn vay:
6. Tổng số lao động tham gia phương án: người, trong đó: Lao động là người dân tộc thiểu số: người (chiếm% tổng số lao động).

* Trường hợp không đồng ý cho vay: Nêu rõ lý do không đồng ý cho vay.

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Trà Vinh, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
Dự án được liệu quý

I. Những thông tin chung

1. Tên dự án:

2. Tên đơn vị chủ trì liên kết và cá nhân đăng ký chủ trì liên kết dự án:

Tên đơn vị:

Họ và tên cá nhân:

3. Tên của các thành viên liên kết

4. Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ:

5. Quyết định thành lập hội đồng:

Số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

- Địa điểm:

- Thời gian:

7. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng/.....; vắng thành viên, gồm các thành viên:

.....

.....

8. Khách mời tham dự

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1.		
2.		
3.		
4.		
5.		

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã nghe các ủy viên hội đồng đọc bản nhận xét, phân tích Hồ sơ dự án; Hội đồng đã nêu câu hỏi với Tổ chức chủ trì liên kết về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kỹ Hồ sơ dự án theo từng chỉ tiêu.

3. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên sau:

.....
.....
.....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá Hồ sơ dự án.

5. Ban kiểm phiếu đã làm việc và kết quả như sau:

- Số phiếu phát ra:
- Số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ:
- Số phiếu không hợp lệ:

Họ tên các thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng								Điểm trung bình của các thành viên HĐ
Họ và tên								
Tổng số điểm								

6. Kết quả đánh giá của Hội đồng: Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng đánh giá: (chỉ để lại một trong hai trường hợp)

Hồ sơ dự án đạt yêu cầu (điểm trung bình phải đạt tối thiểu là 65 điểm).

Hồ sơ dự án Không đạt yêu cầu (điểm trung bình dưới 65 điểm).

7. Hội đồng kiến nghị các điểm sau đây:

.....
.....

Hội đồng đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh xem xét và phê duyệt.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Chữ ký và họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Chữ ký và họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày ... tháng ... năm

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÀU TƯ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN VÙNG TRỒNG DỪC LIỆU QUÝ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ các văn bản liên quan khác (nếu có);

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đầu tư, hỗ trợ dự án (Tên dự án) do Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú quản lý, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư:
2. Quy mô đầu tư:
3. Nhà đầu tư: Chủ trì liên kết và các bên tham gia liên kết (*Tên, địa chỉ, mức vốn đầu tư*):
4. Đối tượng tham gia dự án (...% người dân tộc thiểu số):
5. Tổng mức đầu tư dự án:
6. Cơ cấu nguồn vốn (*trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn theo từng nguồn: Vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi kèm Danh sách chi tiết*):
7. Địa điểm thực hiện dự án:
8. Thời gian thực hiện dự án:
9. Tiến độ thực hiện dự án:
10. Các nội dung dự án.
11. Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:
12. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án:

13. Danh sách đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách

14. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết.

15. Các nội dung khác có liên quan (*nếu có*):

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú chịu trách nhiệm:

a) Có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị Chủ trì liên kết thực hiện hoạt động hỗ trợ, triển khai dự án, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn ngân sách nhà nước dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung của dự án theo đúng quy định

b) Các nội dung khác (*nếu có*):

2. Nhiệm vụ của các cơ quan khác (*nếu có*):

a) Chủ trì liên kết:

b) Các bên tham gia liên kết:

3. Trách nhiệm của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh:.....

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên, Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Hội đồng thẩm định đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu VT, ...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

